TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 21/01/2021
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bình
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trọng Tính
Bà Trần Thị Thanh Miên

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Duyên – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 431/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/01/2021, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991; (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn B, sinh năm 1986; (vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn P1, xã B1, huyện P, tỉnh Bình Phước**.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh B tự nguyện tìm hiểu, yêu thương, chung sống với nhau và tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B1, huyện B2 (nay là P), tỉnh Bình Phước vào ngày 06/5/2011. Trong đời sống hôn nhân, cả hai vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, nguyên nhân là do anh B ham chơi cờ bạc và không lo làm ăn, không thể hàn gắn được nữa. Hiện hai người đã sống ly thân với nhau từ tháng 11 năm 2020. Nhận thấy tình cảm hai vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Phạm Văn B.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Trong quá trình chung sống, hai người có 02 đứa con chung là cháu Phạm Văn T, sinh ngày 06/11/2011 và cháu Phạm

Anh V, sinh ngày 15/8/2016. Hiện cháu đang ở với chị T và bố mẹ ruột của chị T tại nhà bố mẹ chị T tại khu phố 1, phường L, thị xã P1, tỉnh Bình Phước. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và cháu V, không yêu cầu anh B cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn B trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh B và chị T tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân, sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B1, huyện B2, tỉnh Bình Phước vào ngày 06/5/2011. Trong đời sống hôn nhân, cả hai vợ chồng hạnh phúc nhưng gần đây thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã, nguyên nhân chỉ vì những chuyện nhỏ nhặt nên hai vợ chồng đã sống ly thân. Hiện tại, anh B vẫn còn tình cảm với chị T. Mặc dù Tòa án đã hòa giải đoàn tụ cho vợ chồng quay lại với nhau và anh B đã hết lời khuyên ngăn vợ để vợ quay lại, hàn gắn hạnh phúc gia đình, cùng nhau nuôi dạy con nhưng không có kết quả. Trường hợp chị T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Trong quá trình chung sống, anh B và chị T có 02 người con chung là cháu Phạm Văn T, sinh ngày 06/11/2011 và cháu Phạm Anh V, sinh ngày 15/8/2016. Hiện các cháu đang ở với chị T và bố mẹ ruột của chị T tại khu phố 1, phường L, thị xã P1, tỉnh Bình Phước. Khi ly hôn, anh B đồng ý giao 02 con cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, nuôi con chung của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Xét thấy, đây là vụ kiện hôn nhân gia đình "Tranh chấp ly hôn" do nguyên đơn chị Nguyễn Thị T thực hiện quyền khởi kiện; bị đơn anh Phạm Văn B có nơi đăng ký thường trú tại Thôn Phước Lộc, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh B tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã B1, huyện B2 (nay là P), tỉnh Bình Phước vào ngày 06/5/2011. Xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh B là tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc; tại thời điểm kết hôn cả hai đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh B là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Căn cứ lời khai của chị T, anh B và kết quả xác minh tại địa phương thì trong quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B ham chơi cờ bạc, dẫn đến nợ nần chồng chất, vợ chồng thường xuyên cãi vã và chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại khu phố 1, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước sinh sống. Hiện tại, hai vợ chồng đã sống ly thân. Mặc dù Tòa án đã hòa giải để vợ chồng chị T anh B quay lại với nhau và anh B cũng đã hết lời khuyên ngăn vợ để vợ quay lại, hàn gắn hạnh phúc gia đình, cùng nhau nuôi dạy con nhưng không có kết quả.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định, đời sống hôn nhân của vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, cả chị T và anh B đều không có giải pháp để khắc phục, cải thiện cuộc sống vợ chồng dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống, chị T, anh B có 02 người con chung là cháu Phạm Văn T, sinh ngày 06/11/2011 và cháu Phạm Anh V, sinh ngày 15/8/2016. Hiện cháu đang ở với chị T và bố mẹ ruột của chị T tại nhà bố mẹ chị T tại khu phố 1, phường L, thị xã P1, tỉnh Bình Phước. Khi ly hôn, hai bên thống nhất giao cháu Phạm Văn Tuấn và cháu Phạm Anh Việt cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản

4 Điều 147; Điều 218; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 80, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn B.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn B chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:* Giao con chung là cháu Phạm Văn Tuấn, sinh ngày 06/11/2011 và cháu Phạm Anh Việt, sinh ngày 15/8/2016 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- *Việc cấp dưỡng nuôi con chung:* Do các bên không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ khác đối với con chung theo quy định của của Luật Hôn nhân và gia đình.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn B có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét giải quyết.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011995, quyển số 0240, ngày 04/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

3/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã B1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Bình